

MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA HỌC KỲ 1 KHỐI 12 - NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TIẾNG ANH

I. NỘI DUNG

- Unit 1-2
- Vocabulary, collocation: student book
- Grammar:
 - thì
 - Inversions
 - Comparisons
 - dạng động từ (V-ing/ to V/ Vinf)
 - phrasal verbs
 - giới từ
 - từ loại (N, V, adj, adv)
 - article
 - chủ động/ bị động
 - câu điều kiện/ câu đảo ngữ

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 50 phút
- Hình thức ra đề: trắc nghiệm 40 câu.

III. MA TRẬN ĐỀ THI

NỘI DUNG KIẾN THỨC		MỨC ĐỘ NHẬN THỨC			
Dạng bài	Số câu	Biết	Hiểu	Vận dụng	Ghi chú
1. Phát âm (1 nguyên âm, 1 phụ âm)	2	x			
2. Trọng âm (1 từ 2 âm tiết, 1 từ 3 âm tiết)	2	x			
3. Ngữ pháp + Từ vựng:	11				
5. Tenses		x			
6. Inversions			x		Not only, hardly, only
7. Comparisons		x			
8. Form of verb (V-ing/ to V/ Vinf)			x		Động từ có 2 dạng V-ing/ to V
9. phrasal verbs				x	
Trong đoạn quảng cáo/ thông báo: (2 đoạn)	Chỉ báo 2.1				
10. Prepositions		x (2.1)			
11. Word form (N, V, adj, adv)			X (2.1)		
12. article		x (2.1)			
13. Passive/ active			X (2.1)		
14. Vocabulary			X (2.1)		
15. câu điều kiện/ câu đảo ngữ			X (2.1)		

4. Sequence	Chỉ báo 2.3				
16. Sắp xếp câu cho trước thành đoạn văn (sử dụng từ nối)	8			X (2.3)	
17. Chọn đáp án tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh: (sử dụng các loại mệnh đề và yếu tố ngữ pháp khác)				X (2.3)	
5. Reading: Gap-filling (1 bài -6 câu điền cấu trúc ngữ pháp)	Chỉ báo 1.1				
18. cấu trúc câu/ mệnh đề			X (1.1)		
19. cấu trúc câu/ mệnh đề			X (1.1)		
20. cấu trúc song song			X (1.1)		
21. sắp xếp thành tổ câu (1)			X (1.1)		
22. Tính từ sở hữu/ cụm danh từ		X (1.1)			
23. cấu trúc song song			X (1.1)		
5. Reading: Gap-filling: (1 bài- 5 câu)	17	Chỉ báo 1.1			
24. đại từ quan hệ		X (1.1)			
25. từ nối			X (1.1)		
26. collocation				X (1.1)	
27. đại từ, quantifiers (other, another, many, much)			X (1.1)		
28. từ vựng (theo nghĩa)			X (1.1)		
Reading comprehension (2 bài-12 câu) Reading 1:					Chỉ báo 1.3
29. 1 câu tiêu đề (ý chính)				X (1.3)	
30. 1 câu từ vựng			X (1.3)		
31. tìm thông tin			X (1.3)		
32. thông tin không đề cập			X (1.3)		
33. refer		X (1.3)			
Reading 2:					Chỉ báo 1.1
34. 1 câu ý chính				X (1.1)	
35. từ loại trái nghĩa			X (1.1)		
36. từ loại đồng nghĩa			X (1.1)		
37. thông tin không nhắc đến				X (1.1)	
38. từ thay thế			X (1.1)		
39. tìm thông tin				X (1.1)	
40. infer from the text				X (1.1)	
Tổng	40 câu	11	20	9	

TTCM

Nguyễn Trung Trực